

Kiểm chế lạm phát cần có sự kết hợp giải pháp

“Tây y và Đông y” — “Ngắn hạn và Dài hạn”

PGS-TS. TRẦN HOÀNG NGÂN

1. Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước:

Theo đuổi mục tiêu tăng trưởng và nâng cao đời sống nhân dân, đẩy mạnh xuất khẩu, nền kinh tế nước ta trong một thời gian dài đã có tốc độ tăng trưởng khá cao (trong 5 năm 2003-2007 GDP tăng bình quân trên 8%/năm). Đời sống nhân dân được tăng lên, thu nhập GDP bình quân đầu người từ 492 USD năm 2003 tăng lên 836 USD năm 2007, số hộ nghèo giảm dần, đời sống nông dân cải thiện rõ rệt, nhiều công trình kinh tế xã hội được hoàn thành, Việt Nam được các nước trên thế giới đánh giá tốt và khen ngợi...

Tuy nhiên, hiện nay nước ta đang đứng trước khó khăn thực sự, chỉ số giá cả tiêu dùng tăng nhanh năm 2007 là 12.63% và 3 tháng đầu năm trên 9%, đặc biệt là cán cân thương mại năm 2007 thâm hụt lớn, nhập khẩu 62.7 tỷ USD tăng +39.6% so với năm 2006, xuất khẩu 48.6 tỷ USD tăng 21.9%, nhập siêu 14.1 tỷ USD (năm 2005 nhập siêu 4.3 tỷ USD, năm 2006 nhập siêu 5 tỷ USD), nhập siêu chiếm tỷ lệ rất đáng lo ngại 19.8% GDP (lưu ý việc nhập siêu tăng nhanh có yếu tố giá cả thế giới (xăng dầu, sắt thép, sợi bông, chất dẻo...) tăng cao do đồng USD yếu), cán cân vãng lai thâm hụt ở tỷ lệ cao trên 6% GDP ở mức đáng lo ngại...

Kinh tế thế giới đang suy giảm mạnh 4.9% năm 2007, dự báo xuống 4% năm 2008, thương mại quốc tế giảm mạnh so với năm 2006, kinh tế Mỹ đang suy thoái, giá cả nguyên vật liệu, lương thực thực phẩm trên thế giới tăng đột biến, lạm phát xảy

ra ở nhiều nước. Vì vậy bài toán kiểm chế lạm phát ở nước ta hiện nay là bài toán phức tạp và vô cùng khó khăn, vừa kiểm chế lạm phát, vừa đảm bảo tăng trưởng, đồng thời phải tuân thủ những thỏa ước quốc tế WTO!

Để thực hiện mục tiêu kiểm chế lạm phát và đảm bảo tăng trưởng, trước hết chúng ta phải có cùng quan điểm “Kiểm chế lạm phát là việc của chung tất cả các Bộ, ban ngành, chính quyền địa phương từ Trung ương đến cơ sở, là việc không của riêng ai, vì lạm phát ảnh hưởng đến toàn xã hội và nhất là người dân lao động”. Vì vậy cần có sự đồng thuận và chia sẻ của các cấp, của mọi người, của người đi vay và người cho vay, giữa ngân hàng và doanh nghiệp, giữa Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại, giữa người gửi tiền và ngân hàng huy động vốn, giữa tổ chức xuất khẩu với tổ chức nhập khẩu, giữa cái riêng và cái chung... Phải sử dụng cả giải pháp ngắn hạn và giải pháp dài hạn, giải pháp ngắn hạn (**thắt** chặt tiền tệ, **cắt** giảm chi tiêu công, tỷ giá, lãi suất, hạn mức, thắt lưng buộc bụng, trợ giá, trợ cấp ...) và dài hạn (kiểm soát tín dụng, chi tiêu công, nâng cao năng lực sản xuất trong nước, tăng năng suất lao động...). Đặc biệt cần bình tĩnh đối phó vì chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm chống lạm phát thành công, trong những năm 1986-1988 lạm phát trên 300%, năm 1991 lạm phát là 61.5%, năm 1994 lạm phát là 12.7%... vấn đề là làm thế nào vừa giảm lạm phát vừa đảm bảo tăng trưởng ổn định!

2. Nguyên nhân lạm phát tại Việt Nam:

Về mặt lý thuyết lạm phát có

thể do các nhóm nguyên nhân: do chính sách (tiền tệ mở rộng, thâm hụt thu chi ngân sách lớn), lạm phát do chi phí đẩy (tiền lương, chi phí sản xuất...), lạm phát do cầu kéo (xảy ra do tổng cầu vượt trội đẩy mức giá chung lên cao), lạm phát trở ỳ (lạm phát quán tính)... tại nước ta trong thời gian qua, các nguyên nhân trên đều xuất hiện với những trọng số khác nhau, nhưng nguyên nhân chi phí đẩy và do chính sách tài chính tiền tệ là quan trọng nhất.

a. Nguyên nhân bên trong:

- Chính sách tài khóa không hiệu quả là nguyên nhân rất quan trọng của căn bệnh lạm phát ở nước ta. Để hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế, Chính phủ đã có những kế hoạch chi tiêu nâng cấp cơ sở hạ tầng của đất nước và liên tục bội chi ngân sách trong nhiều năm trên 5% GDP (năm 2007 bội chi khoảng trên 56.000 tỷ đồng). Đầu tư cho tăng trưởng kinh tế là điều cần thiết, nhưng đầu tư kém hiệu quả, đầu tư dàn trải, gây lãng phí lớn trong thời gian dài và chúng ta đã có lỗi với dân (đọc báo cáo kiểm toán Nhà nước trong nhiều năm chúng ta thấy rất đau lòng về những con số lãng phí và thất thoát hàng ngàn tỷ đồng), trong khi đồng lương của nhân dân lao động, những người công chức Nhà nước đang có những đồng lương quá thấp so với thời giá, 30-40 năm làm việc trong cơ quan hành chính, giáo dục, y tế... nhiều người không thể mơ nổi một căn nhà. Công tác xây dựng, thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự án và thiết kế kỹ thuật quá chậm trễ, thủ tục rườm rà và phức tạp (ai cũng biết, ai cũng nói, nhưng ai sẽ chịu trách nhiệm vấn đề này? Bộ

nào cũng hứa!). Việc chi tiêu thì không hiệu quả, tình trạng tham nhũng thì gia tăng đã hưởng đến niềm tin của công chúng vào cơ chế và hệ điều hành của chúng ta. Đảng và Nhà nước ta đã thấy và đang điều chỉnh, như thành lập cơ quan chống tham nhũng, nhưng cần quyết liệt hơn. Tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội ở Việt Nam trên 40% GDP và hệ số ICOR là 4,7 (có nghĩa là Việt Nam hiện cần 4,7 đơn vị đầu tư để tạo ra một đơn vị tăng trưởng) là rất cao so với các nước khác trong khu vực. Chi tiêu Chính phủ trong nhiều năm tăng nhanh, dẫn đến tổng cầu tăng nhưng tổng cung tăng không cao.

- Trong năm 2007, và đầu năm 2008 Nhà nước chủ động thực hiện lộ trình điều chỉnh theo giá thị trường đối với một số loại hàng hóa, vật tư cơ bản: điện, xăng dầu, than, làm ảnh hưởng đến việc tăng giá các hàng hóa khác.

- Chính sách tiền tệ năm 2007 cũng có những vấn đề cần xem xét, cung tiền (tổng phương tiện thanh toán) tăng nhanh trong nhiều năm, năm 2005 là 23.4%, năm 2006 là 33.6%, năm 2007 là 53.8%, tổng cộng 3 năm cung tiền M2 tăng 134.2%, trong khi 3 năm GDP chỉ tăng 25.09%. Chênh lệch giữa cung tiền tăng trong 3 năm qua (134.5%) với tăng trưởng kinh tế GDP (25.09%) là rất lớn, chắc chắn sẽ đè nặng lên giá cả trong nước, và cuối năm 2007, đầu năm 2008 nó bộc phát mạnh là do có sự cộng hưởng bởi lạm phát quốc tế (USD yếu) và thiên tai.

Nếu dựa vào học thuyết "Định lượng tiền tệ- The quantity theory of money" của Irving Fisher, ta có thể thấy rõ hơn quan hệ của nhân tố: cung tiền (M), tốc độ vòng quay tiền tệ (V), giá cả (P), tổng sản phẩm quốc nội thực-GDP thực (Y), trong phương trình: $MV = PY$. Vì

vậy, nếu V, P không thay đổi thì P (giá cả) sẽ tăng nhanh khi cung tiền M tăng nhanh, hoặc Y (GDP thực) có tăng nhưng tốc độ tăng chậm hơn cung tiền, thì giá cả cũng tăng cao. Vì vậy, giải pháp kiểm soát cung tiền, giảm tổng cầu luôn luôn là liều thuốc chống lạm phát trước tiên được các nước sử dụng, nhưng với mức độ liều lượng khác nhau.

Tổng dư nợ cho vay của toàn hệ thống ngân hàng tăng cao, năm 2005 là +31.04%, năm 2006 là +29.7%, năm 2007 tăng dư nợ cao nhất trong nhiều năm qua 43.7%, một số NHTM cổ phần dư nợ tăng trên 70%. Các NHTM trong thời gian qua đã cung cấp được một lượng vốn lớn cho các doanh nghiệp trong nền kinh tế để phát triển sản xuất kinh doanh, cho vay tiêu dùng cao, góp phần tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, cùng với sự tăng trưởng nóng của thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản, các NHTM cũng sẵn lòng cho vay đối với những nhà đầu cơ trong lĩnh vực này. Nguồn vốn huy động ngắn hạn của ngân hàng được đổ vào thị trường vốn dài hạn nhiều rủi ro, nếu bong bóng bất động sản có vấn đề thì rủi ro tín dụng là rất lớn (Mỹ đang đau đầu vì tín dụng bất động sản hiện nay). Điều cần lưu ý, một trong những nguyên nhân dư nợ tín dụng tăng cao trong năm 2007 là do các ngân hàng thương mại tăng vốn điều lệ lên nhanh + 56% (tăng 33.737 tỷ đồng), cuối năm 2006 tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng là 60.419 tỷ đồng, cuối năm 2007 là 94.156 tỷ đồng, làm tăng khả năng cho vay và áp lực trả lãi cổ đông, áp lực tăng giá cổ phiếu trên thị trường do năm 2006 giá cổ phiếu đã tăng chóng mặt, nên bây giờ mới té!

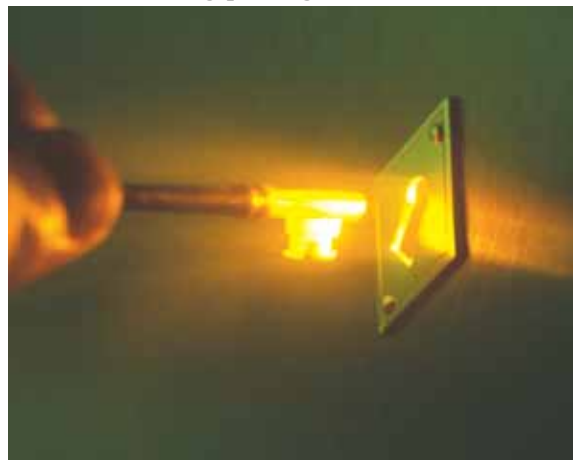
- Trong những năm qua, với những thành tựu phát triển kinh tế nổi bật cùng với chính sách thông thoáng, cởi mở, Việt Nam trở thành một điểm đến lý tưởng của các nhà đầu tư nước ngoài. Lượng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam liên tục ở mức cao thông qua kênh đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp,... Đầu tư trực tiếp của nước ngoài

trong năm 2007 dự kiến khoảng 10 tỷ USD, đến cuối năm lên trên 20 tỷ USD (đã giải ngân 8 tỷ USD), đầu tư gián tiếp (khoảng 5 tỷ USD), ODA cũng tăng nhanh (4.45 tỷ USD năm 2006, năm 2007 là 5.42 tỷ USD, giải ngân 2 tỷ USD). Kiều hối tăng cao (kiều hối của trên 3 triệu người ở 94 quốc gia gửi về nước năm 2007 đạt 6 tỷ USD); Việt kiều về nước ăn Tết đông hơn tăng khoảng 30%, khách du lịch nước ngoài cũng tăng 17% so với cùng kỳ năm 2007 (ngoại tệ mang vào khoảng 3 tỷ USD). Lượng tiền tung vào để mua ngoại tệ cũng rất lớn để giữ giá ngoại tệ không làm ảnh hưởng nhiều đến xuất khẩu (khoảng 10 tỷ USD đã được NHNNVN mua vào trong năm 2007). Điều rất tiếc, nếu ta chủ động giảm giá USD theo quy luật cung cầu (cung tăng thì giá có khuynh hướng giảm, cầu tăng thì giá có khuynh hướng tăng) thì tình hình giá cả trong nước sẽ bớt căng thẳng như hiện nay. Nhà đầu tư trong nước hay nước ngoài họ luôn vì mục tiêu lợi nhuận, nên khi có cơ hội thì họ sẵn sàng nhảy vào bán USD giá cao, mua trái phiếu, gửi ngân hàng lãi suất cao và sau đó bán trái phiếu lấy VND mua USD giá hạ... Năm 1997, khi USD mạnh, nhưng các nước Đông Nam Á để tỷ giá cố định, nên đã bị đầu cơ tiền tệ lợi dụng và tàn phá kinh tế. Đồng USD mạnh hay yếu (như hiện nay) đều có cơ hội cho nhà đầu cơ tiền tệ chuyên nghiệp.

- Thiên tai, mưa bão, lũ lụt, những đợt rét đậm, rét hại ở các tỉnh phía Bắc gây thiệt hại nặng nề: con người, tài sản, đất trồng, lương thực thực phẩm và dịch bệnh (SARS, cúm gia cầm) ảnh hưởng đến giá cả thực phẩm...ảnh hưởng đến giảm tổng cung.

- Chi phí sản xuất hàng hóa dịch vụ chưa hợp lý, sức cạnh tranh các sản phẩm trong nước không cao, hiệu quả kinh tế thấp.

- Thu nhập của dân cư tăng (tăng tiền lương tối thiểu từ năm 2005, 2006, 2007). Việc tăng lương một phần gia tăng tổng cầu, mặt khác tạo tâm lý làm tăng giá các hàng hóa tiêu dùng khác. Tuy nhiên, trong thời kỳ lạm phát cao



cũng cần xem xét tăng lương cho người lao động và công chức Nhà nước, bộ đội, công an... Nhưng cần điều chỉnh tiền lương vào những thời điểm ít nhạy cảm (giữa năm).

- Một trong những nguyên nhân cũng góp phần vào mức lạm phát gia tăng tại Việt Nam hiện nay là yếu tố tâm lý của người dân (kiểm soát thông tin). Đặc biệt là yếu tố đầu cơ, găm hàng làm giá rất kinh nghiệm (vì nước ta đã nhiều lần lạm phát) của các đơn vị cung cấp hàng hóa dịch vụ, các đại lý bán lẻ tại VN

b. Nguyên nhân bên ngoài:

Cũng như những quốc gia châu Á khác, do đô la Mỹ suy yếu trong những năm gần đây đã tạo ra những cú sốc về tăng giá xăng dầu, giá vàng, giá lương thực thực phẩm... từ đó tác động xấu đến giá cả ở Việt Nam. Giá cả thị trường thế giới liên tục tăng cao, xăng dầu tăng (giá dầu thô từ 60USD/thùng đầu năm 2007 tăng lên trên 100USD/thùng cuối năm 2007), sắt thép tăng 30%, phân bón tăng 20%, lúa mì tăng 60%, sợi, bông, chất dẻo, ... Đồng thời những mặt hàng nước ta xuất khẩu (gạo, cà phê, cao su, hạt tiêu, điều...) cũng xuất với giá tăng rất cao, đặc biệt là giá lương thực thực phẩm tăng trên 30%, nên giá thu mua cũng tăng, từ đó làm ảnh hưởng lớn đến giá cả chung trong nước, và lại khi tính chỉ số CPI thì trọng số lương thực thực phẩm ở ta chiếm tỷ lệ cao (42.85%), nhà ở vật liệu xây dựng chiếm 10%, giá xăng dầu trong năm 2007 tăng nhanh, giá vàng thế giới và trong nước tăng rất cao, ảnh hưởng gián tiếp là tác động tâm lý đến các loại giá khác, nên CPI tăng mạnh.

Tổng kim ngạch nhập khẩu của nước ta hiện nay trên 85% so với GDP (Nhập khẩu khoảng 62.7 tỷ USD/ 72 tỷ USD) vì nền kinh tế nước ta phụ thuộc rất lớn vào nguyên nhiên vật liệu thế giới. Các nước lớn tỷ lệ này rất thấp như châu Âu khoảng 25-30%, Mỹ 14,54%, Trung Quốc 26,69%... Vì vậy khi USD mạnh (năm 1991, năm 1997-1998) ta gặp khó khăn (vì nhập siêu), USD yếu như hiện nay ta cũng khó khăn! Tại sao những nước khác ít bị ảnh hưởng? Các nước đã

quen với sự tăng giảm của USD, họ hội nhập trước chúng ta nên đã có nhiều kinh nghiệm và cũng đã khủng hoảng nhiều trận đòn rồi (1997-1888). Trong năm 2007, để tự vệ các nước chủ động điều chỉnh tỷ giá linh hoạt theo hướng giảm giá USD (kể từ tháng 9/2007) và nâng giá bản tệ nhằm tránh ảnh hưởng lạm phát thế giới, như Thái Lan giảm giá USD 4%, Singapore giảm giá USD 10.45%, Trung Quốc giảm giá USD 8.57%, Thụy Sĩ giảm giá USD 16%, Philippine giảm giá USD 14%, Malaysia giảm giá USD 7.25%... trong khi năm 2007, Việt Nam chủ động ổn định tỷ giá để khuyến khích xuất khẩu (tổ chức xuất khẩu lãi cao) hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng...! (năm 2007, USD tăng giá 0.1% so với VNĐ, trong 3 tháng đầu năm 2008, USD có điều chỉnh giảm khoảng 0.6% so với VNĐ). Vì vậy, việc điều chỉnh tỷ giá theo hướng giảm giá USD là sự điều chỉnh theo tín hiệu thị trường quốc tế, chứ không phải là ta muốn tăng giá VNĐ, vì không có Chính phủ nào muốn tăng giá bản tệ! Đơn vị xuất khẩu phải hiểu rằng đó là sự điều chỉnh và phải chia sẻ với khó khăn của nhiều người về căn bệnh lạm phát, điều quan trọng mà đơn vị xuất khẩu kêu to là ngân hàng không mua USD, nên không có VNĐ để thu mua, mua chậm giá càng cao. Hiện nay NHNN đã mua hết nhưng đơn vị không bán nữa vì USD có dấu hiệu tăng giá trong tương lai! Theo tôi, nếu NHNN VN chủ động điều chỉnh tỷ giá linh hoạt theo hướng giảm giá USD từ tháng 9/2007 như nhiều nước, thì việc kiểm chế lạm phát sẽ đỡ tốn kém.

Vì sao USD yếu? Sau sự kiện Bin La Den ngày 11/09/2001, Mỹ bắt đầu dính vào chiến tranh IRAQ từ năm 2002 đến nay và khoản chi cho chiến tranh là rất lớn (hàng trăm tỷ USD), quan trọng hơn là nền kinh tế Mỹ đang đến giai đoạn suy thoái, các khoản cho vay địa ốc dưới chuẩn là rất lớn (khoảng vài ngàn tỷ USD), thâm hụt tài khoản vãng lai trên 6%, thị trường chứng khoán giảm giá mạnh, nhiều công ty phá sản, dòng vốn nước ngoài có dấu hiệu tháo chạy... Vì vậy ngày 18/09/2007 FOMC (The Federal Open Market Committee) Ủy ban

thị trường mở của FED chính thức quyết định khởi đầu đợt hạ lãi suất của quỹ liên bang (federal funds rate) từ 5.25% xuống 4.75% và đến ngày 18/03/2008 là 2.25%, để tạo thanh khoản cho thị trường tín dụng của các ngân hàng tại Mỹ, hỗ trợ thị trường chứng khoán, ngăn chặn suy thoái, từ cuối năm 2007 đến tháng 3/2008 FED đã bơm vài trăm tỷ USD (khoảng 260 tỷ USD) thông qua nghiệp vụ thị trường mở... Mặt bằng giá cả chung tại Mỹ quý 4 năm 2007 tăng cao 3.9% , quý 3 ở mức 1.8%, chỉ số tin tưởng của người dân tại Mỹ giảm thấp trong nhiều tháng qua..., USD tiếp tục yếu trong nhiều tháng qua so với các đồng tiền trên thế giới, với VND thì USD tăng, vậy là VND yếu nhiều hơn!. Các bạn có thể vào trang web www.exchangerate.com , www.Federalreserve.gov để tìm hiểu thêm vấn đề này.

3. Giải pháp của chúng ta hiện nay:

- Điều chỉnh mục tiêu kinh tế xã hội nước ta trong ngắn hạn và dài hạn. Xác định việc kiểm chế lạm phát là mục tiêu hàng đầu và cần có lộ trình, chặn sốc (3-6 tháng) và giảm sốc trong 2 đến 3 năm. Năm 2008, chỉ số CPI ở mức 15-16 %, tăng trưởng GDP ở mức 7-8%.

- Cần có quan điểm thống nhất và đồng thuận trong điều hành. Thủ tướng Chính phủ là người chỉ huy bộ máy kiểm chế lạm phát, Thống đốc NHNN và Bộ trưởng Bộ Tài chính là thường trực, Bộ trưởng các Bộ và các cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND các tỉnh -thành phố là ủy viên. Tất cả các chính sách phải theo đúng mục tiêu trên.

- Làm tốt công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước, xác định kiểm chế lạm phát là vì cái chung, vì đại bộ phận nhân dân lao động và vì sự phát triển bền vững và lâu dài của kinh tế nước ta. Do đó, phải có sự chia sẻ của mọi người, phải chịu đựng khó khăn trước mắt và Chính phủ là người cần tiết kiệm đầu tiên, ngân sách Nhà nước sẽ dành những khoản chi nhất định cho việc kiểm chế lạm phát. Vì vậy, cần phải chọn giải pháp ít tốn kém nhất, đừng lo ngại chính

Chỉ số giá tiêu dùng trong 3 tháng đầu năm 2008 đã là 9,19% đang là một thách thức rất lớn đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế-xã hội trong năm 2008 của nước ta; đặc biệt là mục tiêu về tăng trưởng kinh tế.

Sử dụng có hiệu quả các biện pháp kiềm chế lạm phát năm 2008

TS. CHÂU ĐÌNH PHƯƠNG

Theo dự báo của Chính phủ thì trong những tháng còn lại của năm 2008, tình hình giá cả thị trường thế giới vẫn có khả năng tiếp tục biến động, và sẽ tác động mạnh đến lạm phát và phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Do vậy, việc tập trung chỉ đạo để thực hiện tốt các biện pháp kiềm chế lạm phát, kiểm soát tăng giá, đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô đang là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của Chính phủ, của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương.

Nét nổi bật trong chỉ đạo của Chính phủ lần này là việc sử dụng triệt để và toàn diện các biện pháp từ các Bộ ngành kinh tế chủ yếu và quan trọng nhất của nền kinh tế như Ngân hàng Nhà nước (NHNN); các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Xây dựng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Để kiềm chế lạm phát, kiểm soát giá năm 2008, những biện pháp đã được đặt ra đều xuất phát từ việc phân tích, đánh giá một cách đầy đủ, sâu sắc và toàn diện nguyên nhân của tình trạng chỉ số giá tiêu dùng đã tăng lên trong thời gian qua. Vì vậy, việc quán triệt

các giải pháp này trong chỉ đạo của các Bộ, các ngành, các cấp chính là khâu tổ chức thực hiện một cách đồng bộ các giải pháp đã được nêu, là sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành liên quan. Tuy nhiên, đây cũng chính là khâu yếu kém từ trước tới nay.

Các biện pháp lớn được Chính phủ nêu ra:

1. Cải thiện môi trường đầu tư để huy động đủ vốn đáp ứng cho yêu cầu tăng trưởng; đồng thời với việc phải đặc biệt quan tâm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là lĩnh vực đầu tư công; xem xét lại những công trình, dự án động vốn quá lâu, thiết kế ban đầu không còn phù hợp hoặc công trình đầu tư kém hiệu quả; đình hoãn hoặc dẫn những công trình chưa thật cần thiết.

Biện pháp này không chỉ có ý nghĩa trong ngắn hạn, trước mắt; mà quan trọng hơn là ý nghĩa lâu dài của nó đối với việc hạn chế tới mức thấp nhất việc sử dụng vốn không có hiệu quả (nguyên nhân trực tiếp và sâu xa của lạm

phát tiền tệ). Biện pháp này đòi hỏi các ngành tài chính và ngân hàng cần có sự phối kết hợp thật chặt chẽ với nhau trong thẩm định các dự án đầu tư; đặc biệt là đầu tư công.

2. Các Bộ, ngành và địa phương phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các chính sách, nhất là giữa chính sách tài chính, tiền tệ, chính sách thúc đẩy phát triển sản xuất, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ một cách chặt chẽ, chủ động và linh hoạt; điều hành chính sách tài khóa theo hướng thắt chặt chi tiêu, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, hạn chế bội chi ngân sách, đi đôi với triển khai thực hiện tốt chính sách tiền lương, chính sách đầu tư, chính sách xuất nhập khẩu... bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, hỗ trợ, thúc đẩy lẫn nhau để đạt hiệu quả cao nhất.

Với biện pháp này thì sự phối hợp giữa Bộ Tài chính và NHNN trong kiểm soát giá có ý nghĩa quyết định. Từ nhiều năm trước đây, việc kiểm soát giá đã không được ngành ngân hàng quan tâm

sách điều hành sẽ ảnh hưởng đến bộ phận này, bộ phận khác, bám mục tiêu đã thống nhất là kiểm soát lạm phát là ưu tiên hàng đầu, cắt sốt trước tiên rồi mới điều trị tiếp, để sốt cao liên tục là vô cùng nguy hiểm.

- Sử dụng tổng hợp các biện pháp ngắn hạn mang tính cấp bách (chặn sốt) và dài hạn (giảm

sốt và đi đến hết sốt)

- Tập trung giải quyết tốt các chủ trương chính sách của Chính phủ đã ban hành và kịp thời tổng kết để điều chỉnh.

+ Giải pháp ngắn hạn: tăng dự trữ bắt buộc, giảm số nhân tiền tệ, tăng lãi suất chiết khấu tái chiết khấu, tái cấp vốn, giảm cung tiền, kiểm soát dư nợ tín dụng, giảm giá

USD theo tín hiệu thị trường quốc tế và trong nước để hạn chế một phần tác động của lạm phát quốc tế (nhiều nước đã làm từ tháng 9/2007), kiểm soát chi tiêu công một cách hiệu quả, Chính phủ phải thắt lưng buộc bụng, giảm chi phí đi lại, kiểm soát dòng vốn quốc tế, kiểm soát nợ ngắn hạn, trợ cấp những hộ nghèo khó khăn, trợ cấp hộ chăn nuôi, đảm

một cách đúng mức. Do vậy, việc kiểm soát giá được xem là nhiệm vụ của Bộ Tài chính. Chính vì thế, khi giá hàng hóa trên thị trường tăng lên thì các ngân hàng thương mại (NHTM) căn cứ vào đó để nâng lãi suất huy động vốn và cho vay; còn NHNN thì xem đó là “quyền” của các NHTM.

3. NHNN công bố và thực hiện việc hỗ trợ vốn cho các NHTM để bảo đảm khả năng thanh toán; đồng thời xem xét việc tăng dự trữ bắt buộc, tiếp tục áp dụng biện pháp mua tín phiếu NHNN bắt buộc đã công bố, bảo đảm phù hợp với tình hình diễn biến tiền tệ và khả năng chịu đựng của các tổ chức tín dụng. Thực hiện chính sách lãi suất thực dương theo cơ chế thị trường; điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ, sử dụng có hiệu quả các công cụ của các nghiệp vụ thị trường mở, dự trữ bắt buộc, lãi suất chiết khấu, lãi suất tái cấp vốn và lãi suất cơ bản, bảo đảm quan hệ hợp lý giữa các loại lãi suất trái phiếu, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN. Bộ Tài chính sớm chỉ đạo thực hiện chuyển số dư tiền gửi của Kho bạc tại các NHTM hiện nay về NHNN để bảo đảm tạo điều kiện thực hiện tốt việc điều hành chính sách tiền tệ.

Điều cần lưu ý khi vận dụng giải pháp này là “việc thực hiện chính sách lãi suất thực dương theo cơ chế thị trường”. Theo nguyên tắc của chính sách lãi suất thực dương thì, lãi suất huy động bao giờ cũng phải lớn hơn tỷ lệ lạm phát. Khi giá cả hàng hóa - dịch vụ tiêu dùng không được kiểm soát và liên tục tăng lên thì lãi suất huy động của các NHTM theo đó phải

tăng theo vì đồng tiền mất giá. Đây chính là vấn đề đã và đang là một thách thức lớn cho việc thực thi chính sách tiền tệ quốc gia trong những năm qua. Vì vậy, làm thế nào để kiểm soát được giá cả; làm thế nào để sức mua của đồng tiền quốc gia được ổn định là cả một bài toán cần phải có lời giải mà hiện nay vẫn chưa có lời giải nào có được tính thuyết phục. Khi giá cả không được ổn định thì việc thực hiện chính sách lãi suất thực dương sẽ diễn ra như thế nào lại là vấn đề không thể không được quan tâm tới.

Một lưu ý khác nữa, để đạt được mục tiêu kiềm chế và đẩy lùi lạm phát, Việt Nam vẫn đang sử dụng các biện pháp mang tính truyền thống (nếu không muốn nói là kinh điển) nên hiệu quả đem lại chưa được là bao; trong khi diễn biến của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội ở mỗi một quốc gia và trên phạm vi toàn thế giới đã có những thay đổi rất lớn. Ví dụ, tình trạng giá dầu mỏ trên thị trường thế giới tăng lên không đơn thuần xuất phát từ lý do kinh tế; mà có thể chủ yếu là từ những nguyên nhân về chính trị (lý do để các nước xuất khẩu dầu mỏ không tăng sản lượng khai thác).

4. Tiếp tục thực hiện mua ngoại tệ cho các nhà đầu tư, tính toán xem xét thứ tự ưu tiên việc mua ngoại tệ cho các đối tượng. Nghiên cứu triển khai phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước bằng tiền Việt Nam, trái phiếu Chính phủ bằng ngoại tệ để hạn chế tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, hút bớt tiền nhàn rỗi về,

giảm áp lực lạm phát và tăng dự trữ quốc gia hoặc đầu tư ra nước ngoài. Tiếp tục điều hành tỷ giá giữa đồng tiền Việt Nam với đồng đô la Mỹ nói riêng và các loại ngoại tệ nói chung theo hướng căn cứ vào cung cầu trên thị trường, với biên độ giao động + /- 1%.

Việt Nam đã và đang sử dụng USD với tư cách là một ngoại tệ tự do chuyển đổi để xác định tỷ giá hối đoái phục vụ cho các giao dịch kinh tế cũng như các nhu cầu chi trả, thanh toán với các nước trong thanh toán quốc tế. Tuy nhiên hiện nay, USD đang bị mất giá trên thị trường thế giới do nhiều nguyên nhân khác nhau; mà một trong những nguyên nhân chủ yếu là sự bất ổn trong tăng trưởng kinh tế Mỹ trong những năm gần đây cùng với thái độ “bất hợp tác” của nhiều nước trên thế giới (với Mỹ); đặc biệt là những nước xuất khẩu dầu mỏ nên USD đã mất giá lại tiếp tục mất giá thêm mà dấu hiệu hồi phục là rất mờ nhạt. Thực tế này đòi hỏi các nhà hoạch định chính sách tiền tệ quốc gia cần cân nhắc và có “ứng xử” linh hoạt, kịp thời trong điều hành tỷ giá hối đoái giữa VND với USD.

Để hạn chế tình trạng đô la hoá, việc phát hành trái phiếu Chính phủ bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ có thể là biện pháp tức thời để giảm áp lực căng thẳng về phương tiện thanh toán. Về lâu dài, nhằm khắc phục tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, vấn đề đặt ra là làm cho đồng Việt Nam sớm trở thành đồng tiền tự do chuyển đổi.

5. Duy trì quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và tốc độ tăng dự nợ cho vay đối với nền kinh tế. Theo đó, tốc độ tăng trưởng tín dụng không được vượt quá 30% nhưng phải đáp ứng được yêu cầu vốn cho tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn.

bảo an ninh lương thực, kiểm soát nhập khẩu bằng nhiều giải pháp có sự phối hợp với hệ thống NHTM với cơ quan thuế và Bộ Công thương, giảm thuế nhập khẩu các mặt hàng chiến lược, tăng thuế tiêu thụ đặc biệt các mặt hàng chưa cần thiết (kiểm soát tín dụng thương mại quốc tế, mua hàng trả chậm), Chính phủ ban hành những Sắc lệnh mang tính cấp bách trong giai đoạn khó khăn (không tăng giá điện, giá than, giá xăng dầu, dịch vụ giao thông đi lại... cho đến khi tình hình được kiểm

soát), chống đến cùng các nhóm đầu cơ găm hàng làm giá...(tội phá hoại kinh tế). Trong điều hành kinh tế vĩ mô, Chính phủ cần lưu ý đến bộ ba không thể có (Trinity Impossible): tỷ giá ổn định, tự do di chuyển vốn, chính sách tiền tệ độc lập.

+ Giải pháp dài hạn, là việc làm thường xuyên (như tập thể dục mỗi ngày): kiểm soát chi tiêu công một cách hiệu quả, cải cách thủ tục hành chính, chống tham nhũng thường xuyên và tích cực, chính sách tiền tệ theo hướng hỗ

trợ vốn cho tăng trưởng trên cơ sở kiểm soát tín dụng lành mạnh, điều hành tỷ giá linh hoạt theo hướng mở rộng biên độ và theo tín hiệu thị trường, tiến tới hạn chế tối đa tình trạng đô la hóa tại Việt Nam, sử dụng có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ theo tín hiệu thị trường trong nước và quốc tế (dự trữ bắt buộc, công cụ tái chiết khấu, nghiệp vụ thị trường mở...), kiểm soát nhập siêu, đầu tư cho lĩnh vực sản xuất có chất lượng hàng thay thế hàng nhập khẩu:

Để vận dụng một cách có hiệu quả biện pháp này, việc xác định chính xác tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn là yêu cầu bắt buộc đối với các nhà hoạch định chính sách ở tầm vĩ mô cũng như các nhà chỉ đạo hoạt động kinh doanh tiền tệ - tín dụng - ngân hàng. Tình trạng vốn huy động quá nhiều so với tốc độ tăng trưởng kinh tế đã gây ra rủi ro tài chính cho các NHTM do vốn huy động được không có khách hàng sử dụng.

6. Các chính sách tiền tệ, tài chính, tín dụng phải tiếp tục tạo điều kiện phát triển lành mạnh thị trường bất động sản là một biện pháp vừa có ý nghĩa kinh tế, vừa có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Tuy nhiên, thị trường bất động sản là một trong những loại thị trường mà việc đầu tư tín dụng có thể đối mặt với rủi ro rất lớn. Do vậy, việc thẩm định các dự án cho vay bất động sản luôn cần sự xem xét, đánh giá thật chính xác của các nhà chuyên môn của các ngành liên quan. Lưu ý rằng, đầu tư bất động sản sẽ tạo ra những nguồn vốn lớn được đưa ra; nhưng việc hoàn lại chúng luôn đòi hỏi thời gian do sản phẩm của chúng không thể được tiêu thụ trong một thời gian ngắn được. Đồng thời, đầu tư bất động sản có thể tạo ra những cơ hội cho các nhà đầu tư có được những món lợi rất lớn cũng là áp lực gây ra đối với lạm phát tiền tệ.

Đáng lưu ý là, do kinh doanh bất động sản là một trong những loại kinh doanh có khả năng tạo ra lợi nhuận rất lớn nên việc mua đi, bán lại một cách lòng vòng trên thị trường này đã tạo ra một tình trạng tăng tiền một cách giả tạo trong nền kinh tế. Với tình trạng này, áp lực đối với cung ứng tiền là rất lớn.

Ngoài các biện pháp chủ yếu nói trên, Chính phủ còn đưa ra các biện pháp hỗ trợ khác như vấn đề hoàn

thiện Đề án ổn định và phát triển bền vững, tăng trưởng thị trường chứng khoán... Liên quan đến vấn đề này, Chính phủ cũng cần lưu ý các ngành như tài chính và ngân hàng trong việc xem xét, kiểm soát một cách kỹ lưỡng các điều kiện và tiêu chí đối với việc cho phép lập thêm các công ty chứng khoán và các NHTM cổ phần.

Một trong những biện pháp được Chính phủ đặc biệt quan tâm là, *"Bộ Công thương và Ủy ban Nhân dân các địa phương tăng cường chỉ đạo kiểm soát tốt thị trường trong nước, chống đầu cơ găm hàng tăng giá, lạm dụng lạm phát, lạm dụng vị thế độc quyền để kiếm lời vi phạm lợi ích của người tiêu dùng. Nghiên cứu áp dụng các biện pháp phù hợp để kiểm soát giá các hàng hóa độc quyền như: định giá giới hạn, đăng ký giá, thông báo, kê khai giá, niêm yết và bán theo giá niêm yết"*.

Như vậy, những ý kiến cho rằng, Chính phủ đang thả nổi thị trường, thả nổi giá cả là không đúng. Tuy nhiên, để kiểm soát được thị trường, kiểm soát được giá cả thì chính sách vĩ mô từ phía Nhà nước cần rõ ràng, cụ thể hơn nữa. Thời gian qua, đặc biệt sau Tết Mậu Tý, do ảnh hưởng của thời tiết nên một số tỉnh ở miền Bắc phải chịu hậu quả nặng nề vì một số sản phẩm từ nông nghiệp như rau, thực phẩm rất thiếu để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng nên giá cả nhân đó tăng lên vùn vụt. Vấn đề đặt ra ở đây là, nếu khi đã có được những dự báo về thời tiết thì các Bộ ngành liên quan như Bộ Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương cần chủ động hơn nữa trong điều hòa lưu thông hàng hóa. Tuy nhiên, việc này đã không diễn ra như mong muốn nên giá các loại hàng này đã có lúc cao ngất ngưỡng làm khó khăn cho người tiêu dùng.

Việc kiểm soát giá được Chính phủ đặt ra hoàn toàn phù hợp với điều kiện hiện nay của nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, để việc kiểm soát giá đạt được hiệu quả mong muốn thì trong chính sách giá đối với một số mặt hàng độc quyền, có tính chiến lược Nhà nước cần cân nhắc thêm để không xảy ra tình trạng mỗi khi giá xăng dầu, giá điện... tăng lên là giá hàng loạt hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng khác cũng theo đó tự động tăng theo như trong thời gian vừa qua. Để ổn định được giá các mặt hàng chiến lược, Chính phủ nên xem xét khả năng tạo thêm quỹ hỗ trợ giá cho các mặt hàng này từ nhiều nguồn vốn khác nhau, kể cả các nguồn từ viện trợ không hoàn lại từ nước ngoài; hoặc các nguồn vốn vay với lãi suất thấp.

Sử dụng có hiệu quả các biện pháp kiềm chế lạm phát năm 2008 đã được Chính phủ chỉ đạo là một trong những công việc trọng tâm hàng đầu trong công tác quản lý của các Bộ ngành. Các biện pháp đã được Chính phủ đề ra là rất phù hợp với thực tế hiện nay của kinh tế và xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, các biện pháp này sẽ chỉ là những mong muốn khi việc nhận thức, quán triệt và vận dụng chúng không đầy đủ, không đúng lúc và không linh hoạt ■

nhà máy lọc dầu, xi măng, phân bón, phân bón, chất dẻo, thức ăn gia súc, vải, giấy,... (đầu tư dài hạn và có chính sách hỗ trợ đặc biệt để đẩy nhanh tiến độ), hỗ trợ xuất khẩu thông qua nhiều giải pháp đồng bộ chứ không phải duy nhất như chính sách tỷ giá (chất lượng sản phẩm, mẫu mã, chủng loại hàng, hạ giá thành xuất khẩu, tài trợ tín dụng, hỗ trợ xúc tiến thương mại, chiến lược marketing quốc tế, chất lượng chế biến, uy tín đơn vị xuất khẩu...), tập trung

cải tiến kỹ thuật tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước, đảm bảo an ninh lương thực, khuyến khích và hỗ trợ tích cực cho việc phát triển nông nghiệp- nông thôn, chủ động phòng trừ dịch họa thiên tai, tăng dự trữ ngoại hối quốc gia...

Tóm lại, kiềm chế lạm phát không phải là bài toán không có lời giải, vấn đề là cần có sự đồng thuận và chia sẻ của Chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Cần

đặt nước ta trong nền kinh tế thế giới để có cái nhìn tổng hợp và bình tĩnh hơn. Các ban ngành từ Trung ương đến địa phương hiện nay cần làm hết sức mình, bằng những kế hoạch cụ thể để triển khai Công văn 319/TTg-KTTH mà Chính phủ đã ban hành ngày 03/03/2008 và những chỉ thị gần đây của Chính phủ. Những kết quả tốt đẹp sẽ đến với kinh tế Việt Nam nếu chúng ta có quyết tâm và có sự thống nhất cao ■